

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 232/2020/DS-PT
Ngày 05-8-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2020/TLPT-DS ngày 23/4/2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2020/QĐ-PT ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà La Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà La Thị L: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị CH (Út N), sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị CH: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị CH (Út Nhỏ): Ông Dương Tiến N - Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre (có mặt).

4. *Người làm chứng (do bị đơn mời): Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. *Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH.*

6. *Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc M là chủ sử dụng thửa đất 353, tờ bản đồ số 15 có diện tích là 1.853,9m², loại đất trồng lúa nước, hiện đã được bồi đắp thành đất giồng bằng phẳng, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2012 do Nguyễn Ngọc M đứng tên chủ sử dụng, (đo đạc lại năm 2017 là thửa 367, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.048,9m² đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/3/2017 cho ông Nguyễn Ngọc M). Nguồn gốc đất do ông M nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Mỏ Lớn năm 2012, trước đây ông M cho em ruột là Nguyễn Văn P cất tiệm sửa xe, nay có nhu cầu sử dụng ông M yêu cầu P tháo dỡ tiệm sửa xe, mái che tạm phía sau, bức tường gạch chưa tô, di chuyển 04 cái mái xi măng và 04 hồ tròn xi măng trả lại đất nhưng ông P không đồng ý. Ông M gửi đơn đến UBND xã B giải quyết nhưng không thành.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P tháo dỡ tài sản gồm: Tiệm sửa xe, nhà sau, bức tường, di chuyển 04 cái mái xi măng và 04 hồ tròn xi măng hoàn trả phần đất đo đạc theo dự án VLAP có diện tích 2.048,9m², thuộc thửa 367, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông M, bà L.

Theo bản tự khai ngày 06/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông ngoại là cụ Nguyễn Văn Xe, cho con là Nguyễn Thị Mỏ Lớn (cho năm nào ông P không biết), bà Mỏ Lớn cho lại bà Nguyễn Thị CH là mẹ ruột ông P phần đất thuộc thửa 353, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.515m², tọa lạc tại ấp An Phú 1, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng bà CH không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Bà CH đã cho ông P phần đất này vào năm 2011, ông P xây nhà kiên cố làm ăn sinh sống và mở tiệm sửa xe không ai ngăn cản hay tranh chấp, ông P trồng cây lâu năm quản lý sử dụng ổn định. Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông P di dời tài sản trả đất cho ông M, ông P không đồng ý theo yêu cầu của ông M.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH (Út Nhỏ) trình bày:

Bà CH là mẹ ruột của Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Văn P. Phần đất tranh chấp có diện tích 1.853,9m² thuộc thửa 353, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện M và P tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Xe và cụ Bùi Thị Trại để lại cho con là Nguyễn Thị Mỏ Lớn, Nguyễn Thị Mỏ Nhỏ và Nguyễn Thị CH nhưng hai chị không nhận đất mà giao lại cho bà CH quản lý sử dụng cúng giỗ ông bà (không có giấy tờ, không nhớ năm nào), bà CH canh tác đến năm 2007-2008 thì ông M xin về đất này cất nhà ở, bà CH để lại cho ba người con là M, P, Thông mỗi người một phần chỉ nói miệng. Sau khi được chia đất M cất nhà ở giữa, đến năm 2010 P cất nhà đồng thời là tiệm sửa xe, Thông chết nên còn đất trống, đến năm 2016 thì M kêu P di dời nhà trả đất, bà CH mới biết phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mỏ Lớn và bà Mỏ Lớn chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho M.

Trong quá trình sử dụng đất Nhà nước có đến nhà bà CH thu thuế, bà CH không có tiền nộp nên bà Mỏ Lớn nộp giùm, bà CH cũng không có đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Hiện trạng thửa đất trước đây là đất ruộng, ông M cất nhà ở thì lấy đất hai bên bồi lấp, ông M thổi đất bồi lấp hết thửa đất, khi P đến cất nhà có bồi lấp thêm khoảng 80m³ đất với số tiền khoảng 9.000.000 đồng. Tài sản trên thửa đất tranh chấp có bộ cột xi măng của ông M, cây xanh do ông M trồng, tiệm sửa xe cũng là nhà ở của ông P. Thửa đất 353, tờ bản đồ số 15 là của cha mẹ để lại cho 3 chị em nhưng hai chị không nhận để lại cho bà CH quản lý sử dụng. Do đó ông M yêu cầu ông P di dời nhà, tiệm sửa xe và tài sản để trả đất bà không đồng ý.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 202, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 197, 199, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị CH.

2. Buộc ông Nguyễn Văn P tháo dỡ di dời tài sản gồm: Tiệm sửa xe, mái che tạm phía nhà sau, 01 bức tường gạch chưa tô, di chuyển 04 mái xi măng và 04 hồ tròn xi măng giao trả cho ông Nguyễn Ngọc M, bà La Thị L phần đất có diện tích 2.048,9m², thuộc thửa 367, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 07/12/2018).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/02/2020 kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. Nội dung kháng nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 21/02/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông P không đồng ý với bản án sơ thẩm bởi các lý do: (1) Phần đất tranh chấp ông đã xây nhà kiên cố, trồng cây lâu năm, làm ăn sinh sống và mở tiệm sửa xe từ năm 2011 đến nay không ai ngăn cản hay tranh chấp. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M thì ông đã cất nhà trên đất, việc cấp giấy chứng nhận cho ông M là không đúng quy định của pháp luật. (2) Tại cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát đề nghị thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mỏ Lớn và đưa thêm con bà Mỏ Lớn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời làm rõ thời gian ông P cất nhà trên đất là hoàn toàn phù hợp nhưng không được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. (3) Phần đất tranh chấp là nơi ở duy nhất của ông và mẹ ông, đây cũng là nơi mưu sinh hàng ngày của ông. (4) Hiện nay, con của bà Mỏ Lớn đang khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân huyện C nên yêu cầu Tòa án chờ kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định.

Ngày 20/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị CH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà CH trình bày: Về tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, không thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án trong đó có các chứng cứ quan trọng như nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, có đưa vào tập đoàn hay không, tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận cho bà Mỏ Lớn chưa được làm rõ; xem xét, đánh giá chứng cứ không toàn diện dẫn đến đánh giá chứng cứ không khách quan, chỉ căn cứ vào việc bà Mỏ Lớn chuyển nhượng đất cho ông M để công nhận quyền sử dụng đất của ông M; không tiến hành đo đạc, thẩm định công sức của người quản lý, sử dụng đất để giải quyết vụ án, trong khi việc đo đạc, thẩm định là cần thiết để giải quyết vụ án; trong quá trình tố tụng, ông P và ông Lập có đơn yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M

nhưng yêu cầu này không được chấp nhận dẫn đến mất quyền dân sự của đương sự; đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Se, bà Trãi có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Mỏ Nhỏ tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng. Về nội dung: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn dời nhà, trả đất là không có căn cứ vì chính quyền địa phương và nhân chứng xác nhận đất của ông Se, bà Trãi, cụ thể tại Quyết định 1963/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và Công văn 282/UBND-ĐC ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã B xác định nguồn gốc đất của ông Se, các nhân chứng cũng xác nhận tương tự, hai cụ chết không có di chúc. Như vậy, quyền sử dụng đất là di sản của cha mẹ để lại, ba chị em có quyền thừa hưởng, việc bà Mỏ Lớn kê khai để cấp giấy là trái pháp luật nhưng cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu căn cứ. Hơn nữa khi cấp giấy cho bà Mỏ Lớn thì bà CH, ông P đang ở trên đất nhưng không có sự đồng ý của bà CH, ông P. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà CH, ông P hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ phần đất đang tranh chấp có vào tập đoàn sản xuất hay không; phần diện tích 1.515m² ngoài đề bà Mỏ Lớn được cấp có phải thửa 353 hay không; vì sao thửa 353 trước đây do bà CH quản lý, sử dụng nhưng Ủy ban nhân dân huyện lại cấp quyền sử dụng đất cho bà Mỏ Lớn; việc cấp giấy cho bà Mỏ Lớn là cấp lần đầu hay cấp lại và trên cơ sở nào; ông P, ông Lập trình bày đã có khiếu nại về việc cấp giấy cho ông M nhưng kết quả giải quyết như thế nào chưa được làm rõ; Tòa án không thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mỏ Lớn mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/8/2012 để xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 353 đúng quy định của pháp luật là chưa đủ căn cứ. Ngoài ra, diện tích tranh chấp chỉ một phần thửa 353 nhưng Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả hết diện tích thửa đất sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đồng ý bồi hoàn 9.000.000 đồng cho bị đơn nhưng không được ghi nhận là thiếu sót, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là chưa đúng. Do Tòa án sơ thẩm có nhiều thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông P, bà CH; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C; xét kháng cáo ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị CH; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích $2.048,9m^2$ thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 22 (thửa 353 cũ, tờ bản đồ số 15 diện tích $1.853,9m^2$), tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre do nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Nguyễn Văn P quản lý, sử dụng một phần diện tích đất nêu trên.

[2] Về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng:

Nguyên đơn trình bày do chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Mỏ Lớn vào năm 2012. Bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà CH cho rằng đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Se cho ba người con Nguyễn Thị Mỏ Lớn, Nguyễn Thị Nhỏ (Mỏ Nhỏ) và Nguyễn Thị CH; bà Mỏ Lớn, bà Mỏ Nhỏ thống nhất cho bà Nguyễn Thị CH canh tác, sau đó bà CH cho các con là ông M, ông P và ông Thông.

Theo Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C (là bản photo do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà CH cung cấp) phần đất của ông Nguyễn Văn Se tại Đồng Sát, sau khi đắp đê phần đất được cắt ra làm hai phần “Phần đất ngoài đê diện tích $4.200m^2$ là đất lâm ven sông Hàm Luông. Ủy ban nhân dân xã B quản lý nhưng không đưa vào tập đoàn sản xuất vì đất này cấy lúa không hiệu quả. Tuy nhiên, do đất liền kề với phần đất khoán của các hộ dân nên các hộ này hỏi Ủy ban nhân dân xã khai phá để sử dụng gồm: Hộ bà Bùi Thị Mận diện tích $1.500m^2$ sau đó bà Mận trả lại cho bà Nguyễn Thị CH (hiện nay ông Nguyễn Ngọc M đang sử dụng và cất nhà ở trên phần đất này)...”.

Tại Công văn số 282/UBND-ĐC ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã B có nội dung “Thửa đất 353, tờ bản đồ số 15 (đo đạc lại thành thửa 367 tờ bản đồ số 22) có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Se (ông ngoại của Nguyễn Ngọc M). Trước đây do bà Nguyễn Thị CH quản lý, sử dụng”.

Tại Công văn số 31/CV-UBND ngày 01/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã B trình bày “vào năm 1979 khi thực hiện chủ trương đắp đê quốc phòng, con đê có đi qua phần đất của cha mẹ bà Nguyễn Thị CH, chia phần đất trên làm hai phần. Đến năm 1984 thực hiện chính sách vào tập đoàn sản xuất cho đến năm 1989 đi vào bình quân nhân khẩu... Phần đất ngoài đê...hộ Nguyễn Thị Mỏ $1.515m^2$... Riêng hộ bà Nguyễn Thị Mỏ Lớn đã sang bán cho ông Nguyễn Ngọc M”.

Như vậy, theo các văn bản nêu trên thì nguồn gốc đất được xác định là của ông Nguyễn Văn Se. Tuy nhiên, phần đất đang tranh chấp có vào tập đoàn sản xuất hay không, việc cấp đất cho các hộ trong đó có bà Mỏ Lớn là cấp theo chính sách bình quân nhân khẩu vào năm 1989 hay dựa trên thực tế sử dụng và được đo đạc thời điểm năm 1993, phần diện tích $1.515m^2$ ngoài đê bà Mỏ Lớn được cấp có phải

thửa 353 hay không, vì sao thửa 353 trước đây do bà CH quản lý, sử dụng nhưng ngày 24/8/2012 Ủy ban nhân dân huyện lại cấp quyền sử dụng đất cho bà Mỏ Lớn, việc cấp giấy cho bà Mỏ Lớn ngày 24/8/2012 là cấp lần đầu hay cấp lại và trên cơ sở nào. Những vấn đề trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để làm rõ nên chưa đủ cơ sở xác định thửa 353 thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà Mỏ Lớn hay của bà CH hoặc thuộc quyền sử dụng chung của các con ông Se. Tòa án không thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mỏ Lớn mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/8/2012 để xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 353 đúng quy định của pháp luật là chưa đủ cơ sở.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/12/2018 ông Võ Văn Lập và ngày 10/01/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền kèm theo yêu cầu là bản photo Công văn số 335/TCD-XLĐ ngày 27/12/2018 của Ban Tiếp công dân Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc chuyển đơn của công dân với nội dung *“Ngày 25/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được đơn của ông Võ Văn Lập, địa chỉ Số 201, ấp A, xã B, huyện C. Đơn có nội dung: Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.515m² đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc M”*. Tòa án sơ thẩm cũng chưa làm rõ yêu cầu nêu trên của ông Lập đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thụ lý, giải quyết hay chưa, kết quả giải quyết như thế nào để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót, bởi lẽ thửa theo ông P, ông Lập thì phần đất có diện tích 1.515m² nêu trên là thửa 353 đang tranh chấp.

[4] Ngoài ra, ông P trình bày có công bồi đắp đối với phần đất tranh chấp, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn đồng ý trả giá trị công bồi đắp cho anh P là 9.000.000 đồng nhưng bản án không ghi nhận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Diện tích đất tranh chấp chỉ một phần thửa 353 nhưng không đo đạc, mặc dù việc đo đạc không được là lỗi của ông P, bà CH ngăn cản nhưng Tòa án sơ thẩm buộc anh P trả lại toàn bộ diện tích 2.048,9m² là không phù hợp. Ngoài ra, tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên Tòa án không xem xét giá trị nhưng buộc ông P chịu án phí có giá ngạch với số tiền án phí 28.586.800 đồng là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để có căn cứ giải quyết vụ án, còn thiếu sót trong quá trình tố tụng, vi phạm nghiêm trọng tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát huyện C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên bà CH, anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện C xét xử vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn Nguyễn Ngọc M với bị đơn Nguyễn Văn P, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009107 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng